



BÁO CÁO CHIẾN LƯỢC THỊ TRƯỜNG TUẦN

14/07/2025 – 18/07/2025

Khối Nghiên cứu



MBS Head Office
MB Building, 21 Cat Linh, Dong Da, Hanoi, Vietnam
Tel: +84 24 7304 5688 Fax: +84 24 3726 2601
Web: www.mbs.com.vn

Áp lực chốt lời ở vùng đỉnh lịch sử

- Chỉ số chứng khoán toàn cầu giảm -0,3% trong tuần vừa qua, dưới áp lực điều chỉnh từ mức cao kỷ lục từ chứng khoán Mỹ. Dow Jones hoàn tất tuần giao dịch với mức giảm 1%, S&P 500 và Nasdaq giảm tương ứng 0,3% và 0,1%. Bên cạnh đó, các thị trường lớn cũng điều chỉnh giảm trong tuần vừa qua gồm: Nhật Bản -0,4% và Ấn Độ -1,2%. Vấn đề thuế quan lại phủ bóng lên thị trường ở những phiên cuối tuần: Vào tối hôm thứ Năm, ông Trump tuyên bố áp thuế quan 35% lên Canada, tăng từ mức 25% trước đó, và cảnh báo sẽ tăng mức thuế lên cao hơn nếu Ottawa trả đũa. Trong một cuộc trả lời phỏng vấn kênh NBC News cùng ngày, ông Trump nói ông dự định áp thuế quan chung 15-20% lên các quốc gia mà ông chưa gửi thư áp thuế quan và cũng chưa đạt thỏa thuận thương mại với Mỹ. Ngoài ra, ông Trump đã áp thuế quan 50% lên đồng, dọa áp thuế quan 200% lên dứa phẩm, và áp thuế quan 50% lên Brazil.
- Ở thị trường hàng hóa, giá Đồng tăng vọt + 10,4% trong tuần vừa qua, giá Bạc cũng tăng mạnh + 3,9%, giá Dầu phục hồi +3,8%, giá Vàng cũng lên mức cao nhất trong 1 tuần và tăng +0,8%.
- Đối với thị trường trong nước: Chỉ số Vn-Index chốt tuần ở ngưỡng 1.457,76 điểm, tăng +70,79 điểm, tương đương tăng +5,1% so với tuần trước, đánh dấu tuần tăng mạnh nhất kể từ cuối năm 2022. Nhóm cổ phiếu Midcap và Smallcap tăng lần lượt +2,71% và +1,92%, mức tăng chủ yếu tập trung ở nhóm Bluechips, với VN30 tăng + 7,07%.
- Một số nhóm cổ phiếu có mức tăng mạnh hơn thị trường như: Vingroup (+16,37%), Xây dựng và VLXD (+9,34%), Chứng khoán (+9,11%), ... ở chiều ngược lại, nhóm cổ phiếu đi ngược thị trường: Thủy sản (-0,93%), Bảo hiểm (-0,81%), ...
- Thanh khoản toàn thị trường tuần vừa qua đạt 34.124 tỷ đồng, tăng +30% so với tuần trước đó, trong đó thanh khoản khớp lệnh cũng vọt +36% lên 31.761 tỷ đồng. Theo thống kê, thanh khoản nửa đầu tháng 7 tăng +61% vsck và tăng + 33% so với tháng 6, đạt 31.242 tỷ đồng. Lũy kế từ đầu năm, thanh khoản toàn thị trường đạt 22.536 tỷ đồng, tăng +7% so với mức bình quân năm 2024 nhưng giảm 5% so với cùng kỳ.
- Khối ngoại mua ròng +6.839 tỷ đồng, đánh dấu tuần mua ròng thứ 2 liên tiếp, kể từ phiên quay lại mua ròng (2/7), khối ngoại đã mua ròng tổng cộng gần 12.000 tỷ đồng. Lũy kế từ đầu năm trên toàn thị trường, khối ngoại bán ròng -31.942 tỷ đồng. Tuần vừa qua khối ngoại mua ròng đối với SSI (+2.018 tỷ đồng), SHB (+1.007 tỷ đồng), HPG (+690 tỷ đồng), FPT (+642 tỷ đồng), trong khi bán ròng GEX (-391 tỷ đồng), KDH (-137 tỷ đồng), ... trong vòng 1 tháng trở lại đây, khối ngoại đã mua ròng: SSI (+3.212 tỷ đồng), HPG (+1.773 tỷ đồng), MSN (+917 tỷ đồng), trong khi bán ròng VIC (-750 tỷ đồng), VJC (-397 tỷ đồng), GEX (-297 tỷ đồng), v.v...

Áp lực chốt lời ở vùng đỉnh lịch sử

- Mặc dù có tuần tăng mạnh kể từ cuối năm 2022, khối lượng giao dịch đạt mức kỷ lục được trao tay nhưng dòng tiền khá phân hóa trong tuần vừa qua. Mức tăng thanh khoản cùng hiệu suất tăng ở chỉ số tập trung ở một vài nhóm cổ phiếu: Ngân hàng, Chứng khoán, Bất động sản, Vingroup, Xây dựng và VLXD, Thực phẩm.
- Về định giá, chỉ số P/E (ttm) của thị trường hiện tại ở mức 14,7 lần, không còn rẻ nhưng vẫn thấp hơn so với bình quân 3 năm (15 lần) khoảng 2% và thấp hơn với bình quân 5 năm (15,6 lần) khoảng 5,2%.
- Nhận định thị trường: Chỉ số Vn-Index vừa có tuần tăng mạnh nhất trên thế giới: +5,1%/tuần, +10,8%/tháng và +19,3%/3 tháng (theo eg.stockg.org). Đây là mức tăng theo tuần mạnh nhất kể từ giữa tháng 12/2022, bên cạnh đó khối lượng giao dịch cũng lập kỷ lục với 6,1 tỷ cổ phiếu được trao tay thông qua khớp lệnh trên sàn HOSE và 7,1 tỷ cổ phiếu trên cả 3 sàn. Bên cạnh đó, giá trị giao dịch cũng tiệm cận mức cao kỷ lục hồi tháng 3/2022 khi chỉ số Vn-Index ở vùng 1.500 điểm. Đà tăng của thị trường được thực sự mạnh mẽ kể từ phiên khối ngoại quay trở lại mua ròng (2/7), chỉ số này đã tăng gần 80 điểm trong mức tăng 117 điểm kể từ khi vượt đỉnh 1.350 điểm. Trong tuần tăng mạnh vừa qua, chỉ số Vn-Index tăng hơn 70, trong đó nhóm Vingroup (VIC, VHM, VRE) đóng góp 27 điểm, các cổ phiếu lớn khác hỗ trợ thị trường chủ yếu là: Ngân hàng (VCB, BID, VPB, CTG) và Thép (HPG). Tín hiệu đáng chú ý là dòng tiền đang có sự phân hóa dù thanh khoản thị trường đã tăng lên mức kỷ lục và chỉ số đã bắt tốc mạnh mẽ. Việc dòng tiền khá tập trung trong bối cảnh thanh khoản ở vùng đỉnh lịch sử có thể là rủi ro đối với thị trường ở thời điểm hiện tại. Chúng tôi cho rằng, trạng thái phân hóa sẽ còn mạnh hơn trong tuần này khi thị trường đi vào vùng đỉnh lịch sử 1.500 điểm. Lúc này, hoạt động mua ròng từ khối ngoại đang thu hút sự chú ý của giới đầu tư, có thể nói đây là nhân tố đang lấn át các yếu tố tác động khác. Sau 8 phiên mua ròng liên tiếp gần 12.000 tỷ đồng sau, một số tín hiệu cần chú ý trong thời gian tới là tổng giá trị giao dịch mua hoặc mua ròng giảm sẽ ảnh hưởng đến tâm lý thị trường lúc này. Bên cạnh yếu tố dòng vốn ngoại, việc thanh khoản lên mức cao kỷ lục cũng đi kèm với mức sử dụng đòn bẩy tăng cao, đây cũng là tín hiệu đáng lưu ý khi chỉ số và thanh khoản đã bắt tốc lên vùng đỉnh lịch sử. Lúc này thị trường đang hội tụ nhiều yếu tố hỗ trợ cho mạch tăng tiếp diễn của thị trường hướng tới mức cao lịch sử ở khu vực 1.500 điểm. Chúng tôi vẫn lưu ý nhà đầu tư chú ý về mức độ phân hóa có thể còn rõ nét ở tuần này, bên cạnh đó việc thanh khoản được đẩy lên mức cao kỷ lục có thể đi kèm rủi ro về tỷ lệ đòn bẩy. Ngoài ra, nhà đầu tư cũng nên quan sát kỹ diễn biến của dòng vốn ngoại sau 2 tuần mua ròng khá mạnh vừa qua. Về kỹ thuật, chỉ số Vn-Index có thể có nhịp rung lắc trong tuần này khi thuế quan của Trump gây chú ý với việc áp thuế lên 30% đối với Mexico và EU, bên cạnh đó tuần này cũng là tuần đáo hạn phái sinh sau nhịp tăng mạnh và việc Vn-Index đi vào vùng đỉnh lịch sử 1.500 điểm sẽ khiến nhà đầu tư chủ động chốt lời.
- Chiến lược giao dịch: Chủ động hạ đòn bẩy trong bối cảnh thị trường đang mạnh để được mức giá tốt, tập trung vào cổ phiếu trong danh mục thay vì tham chiếu chỉ số chung. Do hiện tượng phân hóa trong từng nhóm cổ phiếu nên mức tăng cũng khác nhau, nhà đầu tư có thể cơ cấu ở nhóm cổ phiếu chưa tăng hoặc nhóm cổ phiếu phòng thủ cho đến nhóm cổ phiếu được hưởng lợi từ giá hàng hóa đang tăng trở lại.

Các sự kiện chính trong tuần này (14/07 – 18/07)

Thứ Hai	Thứ Ba	Thứ Tư	Thứ Năm	Thứ Sáu
14	15	16	17	18
	 Trung Quốc: Chỉ số tăng trưởng GDP (Q2)  Trung Quốc: Tỷ lệ thất nghiệp (tháng 6)  Mỹ: Chỉ số giá tiêu dùng CPI (tháng 6)  Canada: Chỉ số giá tiêu dùng CPI (tháng 6)	 Anh: Chỉ số giá tiêu dùng CPI (tháng 6)  Mỹ: Chỉ số giá sản xuất PPI (tháng 6)	 Úc: Tỷ lệ thất nghiệp (tháng 6)  Anh: Tỷ lệ thất nghiệp (tháng 6)  Châu Âu: Chỉ số giá tiêu dùng CPI (tháng 6)  Mỹ: Đơn xin trợ cấp thất nghiệp lần đầu  Mỹ: Doanh số bán lẻ (tháng 6)	 Mỹ: Chỉ số tâm lý tiêu dùng của đại học Michigan sơ bộ (tháng 7)  Đức: Chỉ số giá sản xuất (tháng 6)

THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN THẾ GIỚI



Diễn biến các chỉ số chứng khoán tuần qua

Index	Last	1 Week	1 Month	YTD	1 Year
Global	922.56	-0.3%	3.7%	9.7%	11.4%
Dow Jones	44,371.51	-1.0%	5.2%	4.3%	10.9%
S&P 500	6,259.75	-0.3%	4.7%	6.4%	11.5%
Europe	547.34	1.2%	0.4%	7.8%	4.4%
Japanese	39,569.68	-0.4%	4.6%	-0.8%	-3.9%
Korea	3,175.77	4.0%	9.7%	32.4%	11.2%
China	3,510.18	1.1%	3.9%	4.7%	18.1%
HongKong	24,139.57	0.9%	1.0%	20.3%	32.0%
Taiwan	22,751.03	0.9%	3.1%	-1.2%	-4.9%
Indian	25,149.85	-1.2%	1.7%	6.4%	2.6%
Singapore	4,087.81	1.9%	4.5%	7.9%	16.9%
Malaysia	1,536.07	-0.9%	1.2%	-6.5%	-5.1%
Indonesia	7,047.44	2.7%	-1.7%	-0.5%	-3.8%
Thailand	1,121.13	0.1%	-0.1%	-19.9%	-15.8%
Philippine	6,459.88	1.0%	1.0%	-1.1%	-2.8%
Vietnam	1,457.76	5.1%	10.8%	15.1%	13.8%
Brent Oil	70.36	3.8%	-5.2%	-5.7%	-17.3%
Crude Oil WTI	68.45	3.9%	-4.0%	-3.9%	-15.5%
Gold	3,364.00	0.8%	-2.6%	27.4%	39.0%
S&P 500 VIX	16.40	-6.2%	-21.2%	-5.5%	31.6%
Dollar Index	97.53	0.9%	-0.7%	-9.9%	-6.0%
U.S. 10Y	4.42	2.0%	0.2%	-3.4%	5.5%
U.S. 2Y	3.89	0.2%	-1.4%	-8.1%	-12.7%

Nguồn: Update 12/07, Investing, MBS Research

1 week		1 month		3 months	
Index	Change	Index	Change	Index	Change
Vietnam	5.10%	Venezuela	13.93%	Venezuela	66.38%
Korea	3.98%	Israel	11.66%	PHLX Semicon	42.73%
Indonesia	2.70%	Vietnam	10.84%	Korea	30.54%
Venezuela	2.50%	Korea	9.24%	Israel	26.40%
Austria	2.25%	PHLX Semicon	8.86%	Portugal	24.89%
Greece	2.19%	Turkey	6.94%	Greece	23.86%
HK Aff Crp	2.07%	Greece	4.98%	NASDAQ	23.09%
Frankfurt	1.90%	NASDAQ	4.94%	Austria	20.64%
Singapore	1.85%	Portugal	4.50%	Rus 2000	20.14%
Paris	1.73%	Singapore	4.31%	Vietnam	19.25%
Egypt	1.54%	Hungary	4.27%	Frankfurt	18.97%
Netherlands	1.44%	UAE Dubai	4.19%	Italy	18.00%
NBI BioTech	1.43%	Rus 2000	4.03%	Ireland	17.82%
UAE Dubai	1.42%	S&P 500	3.94%	Nikkei 225	17.82%
London	1.34%	Gold & Silver	3.89%	Hungary	17.63%

Nguồn: Update 12/07, en.stockq.org

THỊ TRƯỜNG HÀNG HÓA THẾ GIỚI



Energy	Price	Weekly	Monthly	YTD	YoY
Crude OilUSD/Bbl	68.75	3.5%	1.0%	-4.1%	-16.4%
BrentUSD/Bbl	70.69	3.5%	1.9%	-5.3%	-16.9%
Natural gasUSD/MMBtu	3.3562	-0.9%	-3.9%	-7.6%	44.1%
GasolineUSD/Gal	2.1911	3.5%	1.0%	8.9%	-12.7%
Heating OilUSD/Gal	2.466	2.4%	11.1%	6.4%	-1.6%
CoalUSD/T	112	1.9%	7.1%	-10.6%	-16.3%
TTF GasEUR/MWh	35.58	6.7%	-2.2%	-29.5%	12.7%
UK GasGBP/thm	85.309	7.7%	-0.2%	-32.0%	17.3%
EthanolUSD/Gal	1.735	0.3%	4.8%	2.7%	-9.6%
NaphthaUSD/T	557.42	0.4%	0.6%	-8.8%	-20.0%
UraniumUSD/Lbs	71.75	-5.5%	2.9%	-1.7%	-16.7%
PropaneUSD/Gal	0.74	0.4%	-2.8%	-4.8%	-8.5%
MethanolCNY/T	2373	-1.0%	2.9%	-14.2%	-6.0%
Urals OilUSD/Bbl	64.96	1.0%	2.5%	-5.2%	-18.3%

Metals	Price	Weekly	Monthly	YTD	YoY
GoldUSD/t.oz	3354.8	0.6%	-0.9%	27.8%	39.1%
SilverUSD/t.oz	38.373	3.9%	5.6%	32.9%	24.7%
CopperUSD/Lbs	5.537	10.4%	14.4%	39.1%	20.6%
SteelCNY/T	3086	1.2%	5.2%	-6.8%	-6.5%
LithiumCNY/T	63750	2.3%	5.1%	-15.1%	-29.6%
Iron Ore CNYCNY/T	766	4.1%	9.0%	-1.7%	-7.4%
PlatinumUSD/t.oz	1454.5	4.6%	13.4%	62.7%	45.4%
HRC SteelUSD/T	876.95	-0.2%	1.7%	23.7%	31.9%
Iron OreUSD/T	96.71	1.6%	1.3%	-6.7%	-11.7%
TitaniumCNY/KG	50.5	0.0%	0.0%	13.5%	4.1%

Industrial	Price	Weekly	Monthly	YTD	YoY
BitumenCNY/T	3633	1.7%	2.5%	-1.5%	2.3%
CobaltUSD/T	33335	0.0%	0.0%	37.2%	22.8%
LeadUSD/T	2028.5	-1.8%	1.6%	3.9%	-8.2%
AluminumUSD/T	2603.7	0.3%	3.3%	2.1%	5.0%
TinUSD/T	33559	-0.9%	2.8%	15.4%	-3.2%
ZincUSD/T	2737.5	0.3%	3.5%	-8.1%	-7.0%
NickelUSD/T	15235	-0.2%	0.9%	-0.4%	-9.6%
MolybdenumCNY/Kg	510	16.7%	6.4%	8.7%	6.3%
PalladiumUSD/t.oz	1287.5	12.2%	21.4%	44.8%	34.5%
RhodiumUSD/t.oz.	5700	3.6%	3.6%	24.6%	23.9%
PolyethyleneCNY/T	7288	-0.3%	2.1%	-14.5%	-14.2%
PolyvinylCNY/T	4974	1.9%	4.4%	1.0%	-16.0%
PolypropyleneCNY/T	7066	-0.3%	0.6%	-4.2%	-8.3%
Soda AshCNY/T	1174	-1.5%	-10.4%	-23.2%	-40.0%
NeodymiumCNY/T	562500	1.8%	0.9%	13.2%	23.0%
TelluriumCNY/Kg	605	-4.7%	-14.2%	-6.2%	-13.6%
UreaUSD/T	435	3.0%	20.5%	28.9%	38.8%
Di-ammoniumUSD/T	729	0.9%	1.3%	26.2%	35.4%

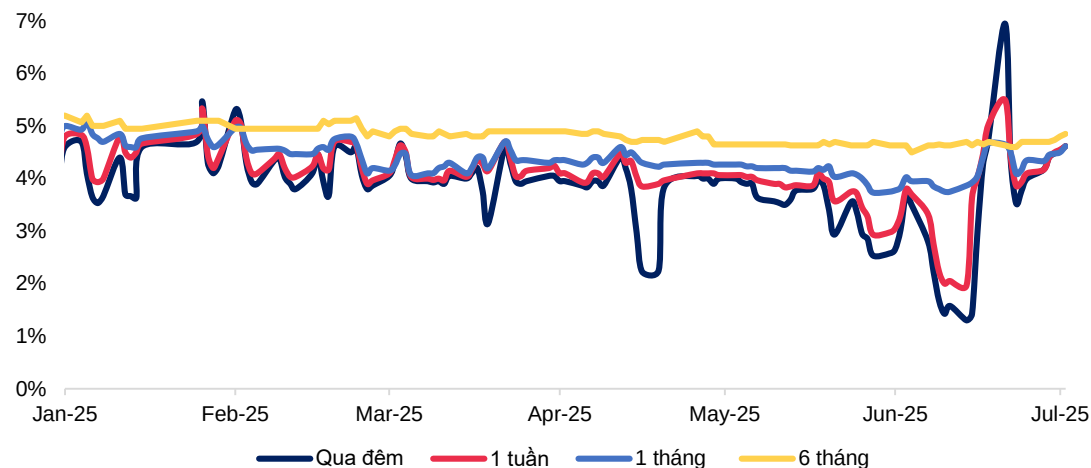
Index	Price	Weekly	Monthly	YTD	YoY
CRB IndexIndex	373.34	1.5%	0.6%	4.6%	9.3%
LME IndexIndex	4166.9	-1.3%	0.9%	6.7%	-1.4%
GSCIIndex Points	551.39	-0.4%	0.1%	0.3%	-3.7%
SSE Consume Commodity	7927.6	1.1%	-0.9%	0.7%	8.4%
Containerized Freight	1733.3	-1.7%	-22.6%	-29.6%	-52.8%
Nuclear Energy IndexUSD	37.72	-0.7%	4.3%	40.9%	20.9%
Solar Energy IndexUSD	37.9	-1.8%	11.1%	12.5%	-15.0%
EU Carbon PermitsEUR	70.55	-1.6%	-6.4%	-3.4%	1.7%
Wind Energy IndexUSD	18.99	2.0%	5.6%	28.3%	10.2%

Nguồn: Update 11/07, tradingeconomics, MBS Research

Lãi suất

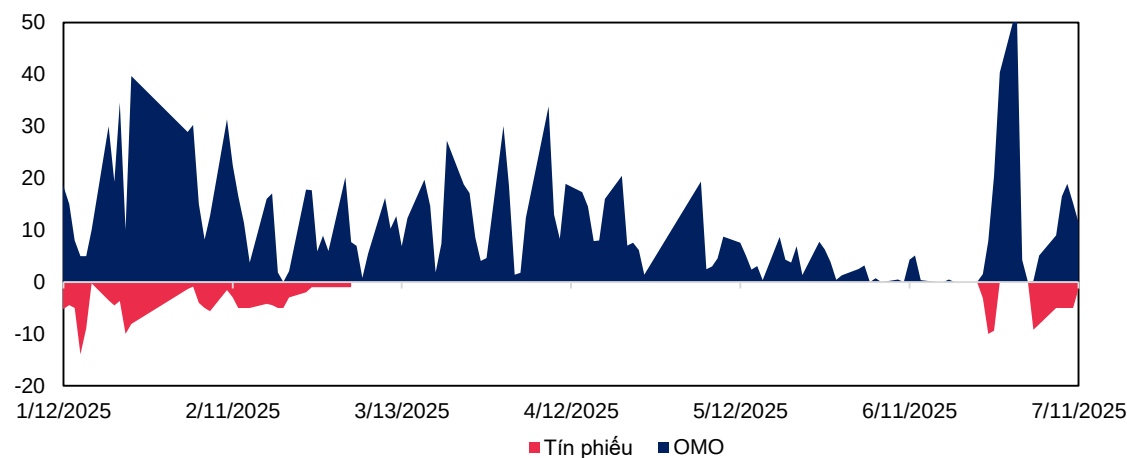
- Tuần vừa qua, NHNN tiếp tục điều hành linh hoạt nghiệp vụ thị trường mở nhằm đảm bảo thanh khoản hệ thống. Tổng giá trị tín phiếu được phát hành trong tuần ước đạt 21.4 nghìn tỷ đồng (+23% so với tuần trước), kỳ hạn 7 ngày và lãi suất dao động trong khoảng 3.35% - 3.45%. Giá trị tín phiếu đáo hạn ước tính 17.4 nghìn tỷ đồng. Cùng với đó, Nhà điều hành cũng duy trì bơm tiền vào hệ thống qua kênh OMO với giá trị khoảng 71.1 nghìn tỷ đồng, kỳ hạn 7 và 91 ngày với lãi suất 4%. Khối lượng đáo hạn trên kênh cầm cố ước tính 61.7 nghìn tỷ đồng. Theo đó, NHNN bơm ròng vào hệ thống khoảng 5.4 nghìn tỷ đồng trong tuần.
- Mặc động thái bơm ròng của NHNN, lãi suất liên ngân hàng vẫn tăng ở tất cả các kỳ hạn. Cụ thể, lãi suất qua đêm, 1 tuần và 1 tháng đồng loạt tăng lên mức 4.6%, tăng lần lượt 0.62, 0.52 và 0.27 điểm phần trăm. Lãi suất 6 tháng tăng nhẹ 0.2 điểm phần trăm lên mức 4.9%.

Lãi suất liên ngân hàng



Nguồn: Bloomberg, MBS Research

Thị trường mở

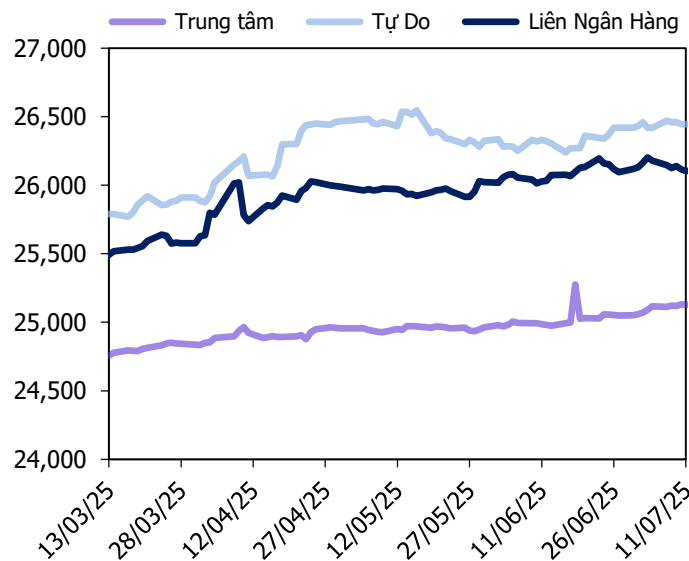


Nguồn: NHNN, MBS Research

Thị trường ngoại hối và trái phiếu

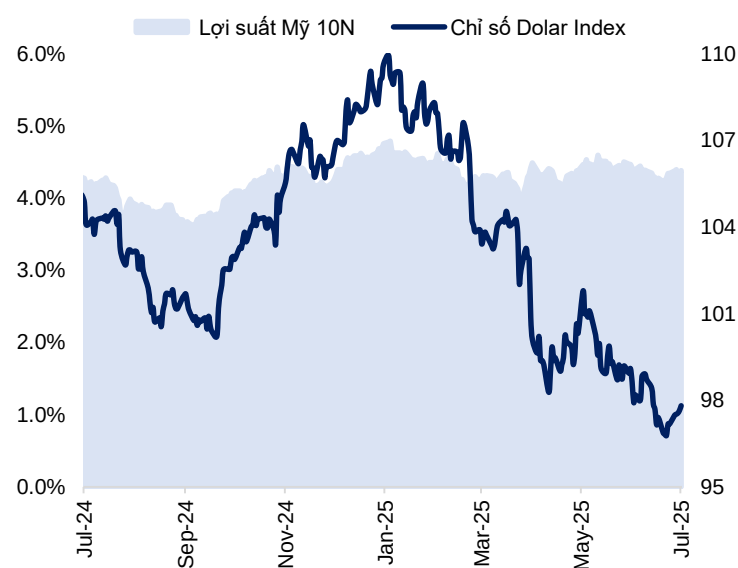
Chỉ số DXY kết tuần tăng 0.6% lên 97.8 điểm, chủ yếu nhờ vào những thông báo thuế đối ứng của Tổng thống Trump và tín hiệu tích cực từ biên bản họp FOMC tháng 6. Trong tuần, Mỹ đã chính thức gửi thư về việc áp thuế tới 14 quốc gia, với mức thuế dự kiến từ 20% đến 50% nếu không đạt thỏa thuận trước ngày 1/8. Động thái này làm dấy lên lo ngại về chiến tranh thương mại, qua đó thúc đẩy nhu cầu nắm giữ USD như tài sản trú ẩn. Bên cạnh đó, biên bản FOMC cho thấy Fed tiếp tục duy trì quan điểm thận trọng trong việc cắt giảm lãi suất, góp phần củng cố đà tăng của đồng bạc xanh. Trong nước, tỷ giá liên ngân hàng hiện đang ở mức 26,105 VND/USD (+2.5% so với đầu năm). Tỷ giá tại thị trường tự do ở mức 26,445 VND/USD (+2.7% so với đầu năm), và tỷ giá trung tâm niêm yết tại 25,128 VND/USD (+3.2% so với đầu năm).

Tỷ giá USD/VND



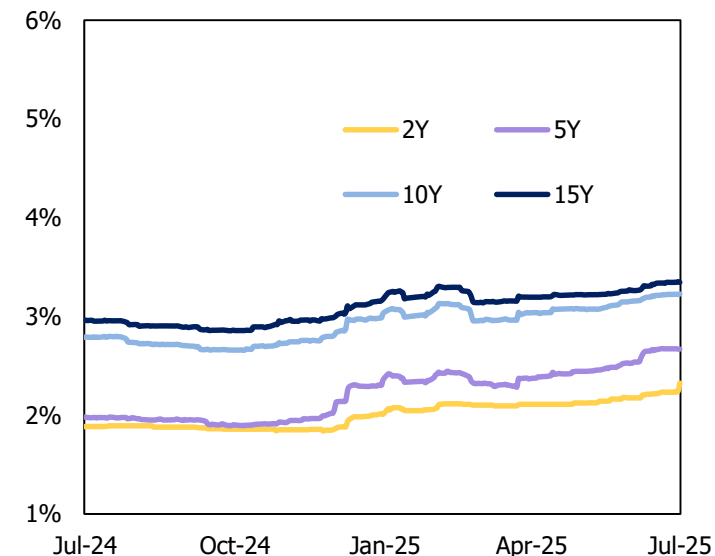
Nguồn: SBV, Bloomberg, MBS Research

Chỉ số Dolar index và lợi suất TPCP Mỹ 10N



Nguồn: Bloomberg, MBS Research

Lợi suất TPCP

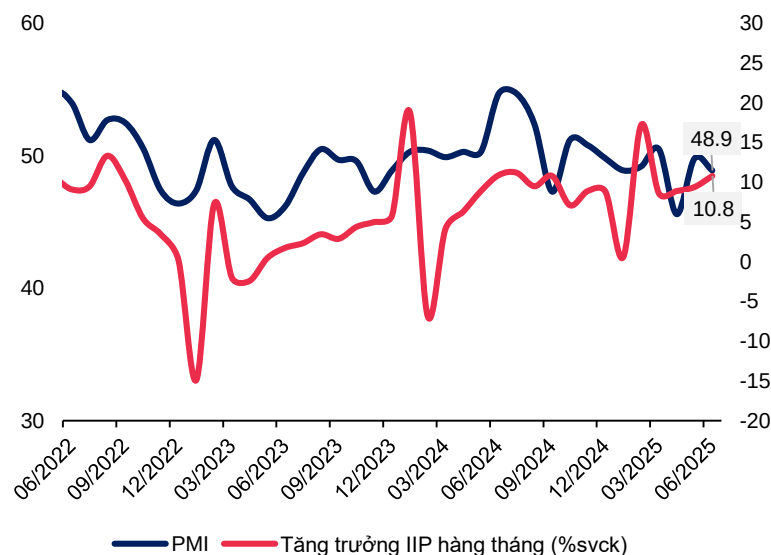


Nguồn: Bloomberg, MBS Research

Kinh tế vĩ mô trong nước

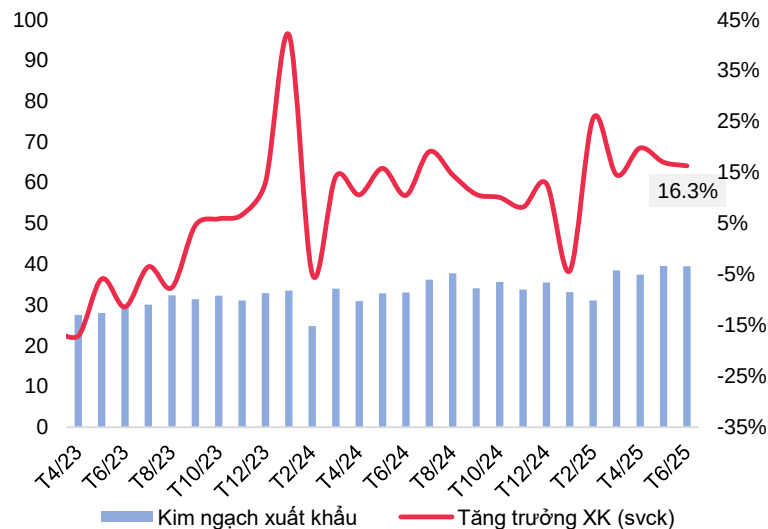
- Trong T6/25, kim ngạch xuất khẩu hàng hóa sơ bộ đạt 39.5 tỷ USD (+16.3% svck), trong khi kim ngạch nhập khẩu ước đạt 36.7 tỷ USD (+20.2% svck). Lũy kế từ đầu năm, cán cân thương mại hàng hóa xuất siêu 7.63 tỷ USD. Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) T6/25 ước tính tăng 4.1% so với tháng trước và tăng 10.8% svck. Tuy nhiên, chỉ số PMI T6 giảm xuống mức 48.9 điểm – đánh dấu tháng thứ 3 liên tiếp ở ngưỡng ở dưới ngưỡng 50 điểm trong bối cảnh nhu cầu quốc tế suy yếu khiến số lượng đơn hàng xuất khẩu tăng giảm nhanh nhất trong vòng 2 năm trở lại đây.
- Tốc độ tăng trưởng của tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tăng 8.3% svck trong T6. Lũy kế 6T2025, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tăng 9.3% svck, nếu loại trừ yếu tố giá tăng tăng 7.2% svck.

Chỉ số PMI sản xuất và IIP của Việt Nam (% svck)



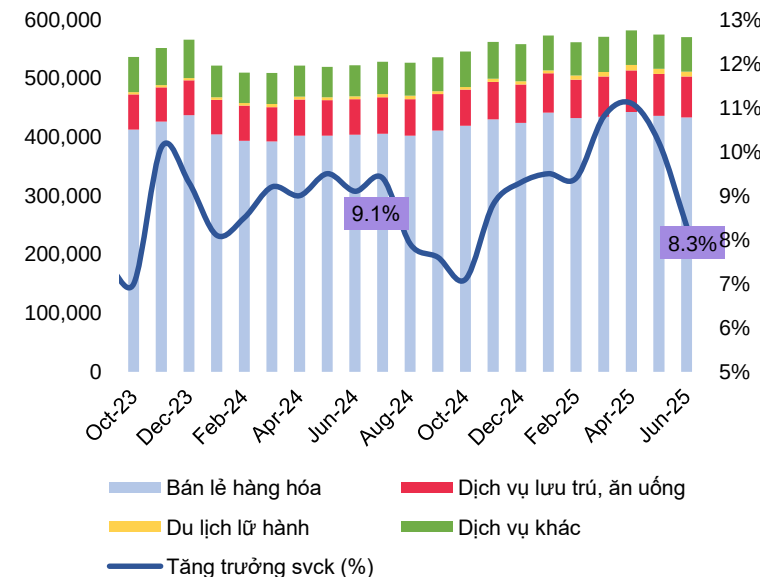
Nguồn: TCTK, Bloomberg, MBS Research

Kim ngạch xuất khẩu hàng hóa năm qua các tháng (Tỷ USD)



Nguồn: TCTK, MBS Research

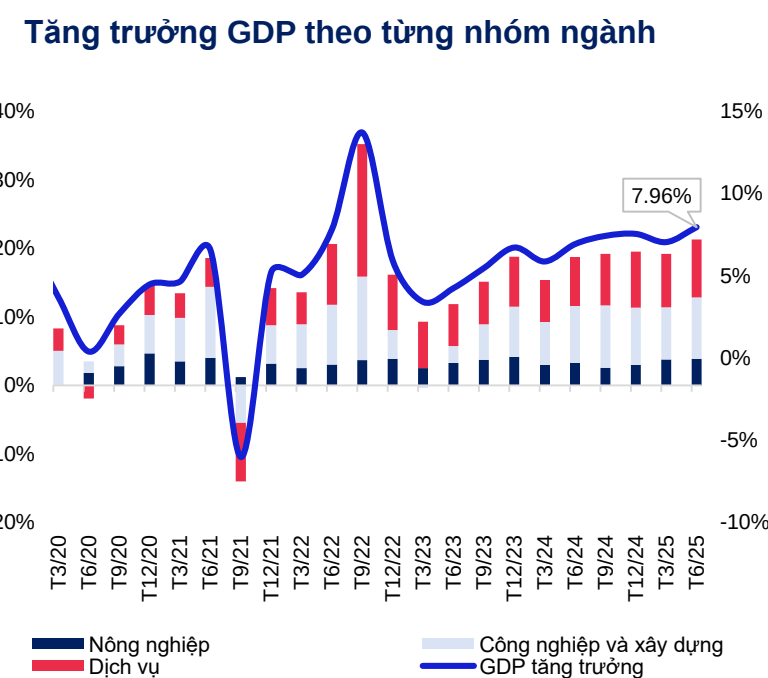
Doanh thu bán lẻ hàng hóa, dịch vụ tiêu dùng so với cùng kỳ năm trước (Tỷ USD)



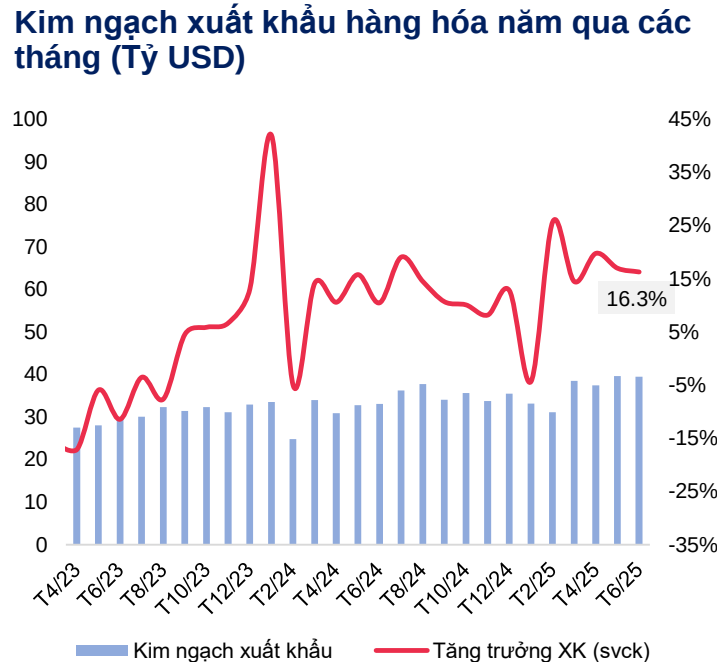
Nguồn: TCTK, Bloomberg, MBS Research

Kinh tế vĩ mô trong nước

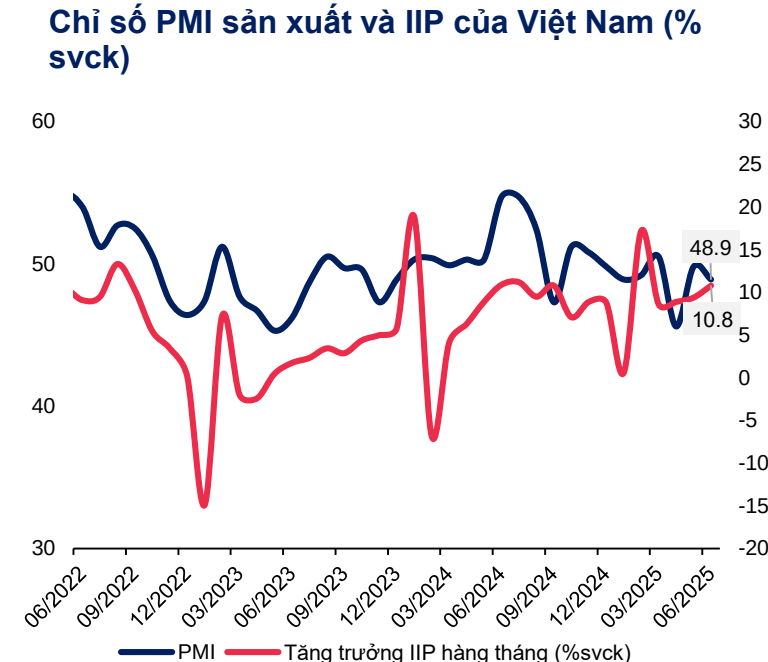
- Tổng sản phẩm trong nước (GDP) quý II/2025 ước tính tăng 7.96% svck, chỉ thấp hơn tốc độ tăng 8.56% của quý II/2022 trong giai đoạn 2020-2025. Trong đó, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 3.9%; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 9%; khu vực dịch vụ tăng 8.5%. Lũy kế 6T2025, GDP tăng 7,52% svck, là mức cao nhất của sáu tháng đầu năm trong giai đoạn 2011-2025 .
- Trong 6T2025, kim ngạch xuất khẩu hàng hóa sơ bộ đạt 219.8 tỷ USD, tăng 14.4% svck. Một số mặt hàng có mức tăng trưởng mạnh trong kỳ bao gồm: Đồ chơi, dụng cụ thể thao và bộ phận (+103.4% svck); điện tử, máy tính và linh kiện (+40% svck); sản phẩm từ sắt thép (+31.6% svck). Tốc độ tăng trưởng xuất khẩu tích cực, theo đó chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) trong T6/25 ước tăng 4.1% so với tháng trước và tăng 10.8% svck.



Nguồn: TCTK, Bloomberg, MBS Research



Nguồn: TCTK, MBS Research



Nguồn: TCTK, Bloomberg, MBS Research

THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN TRONG NƯỚC

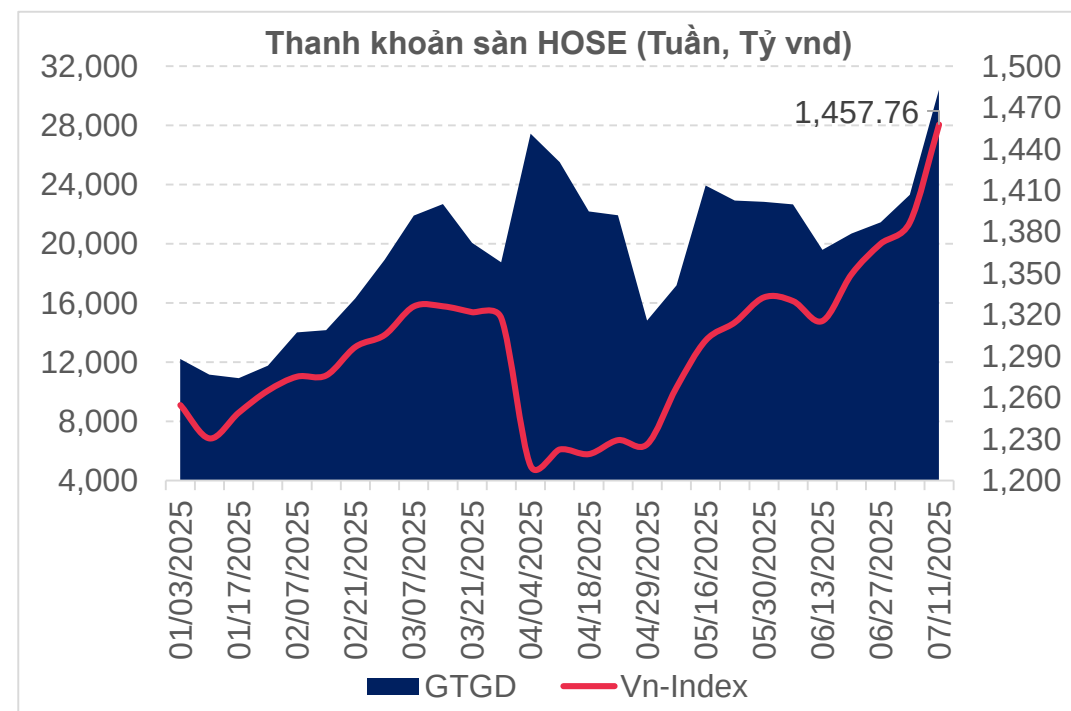
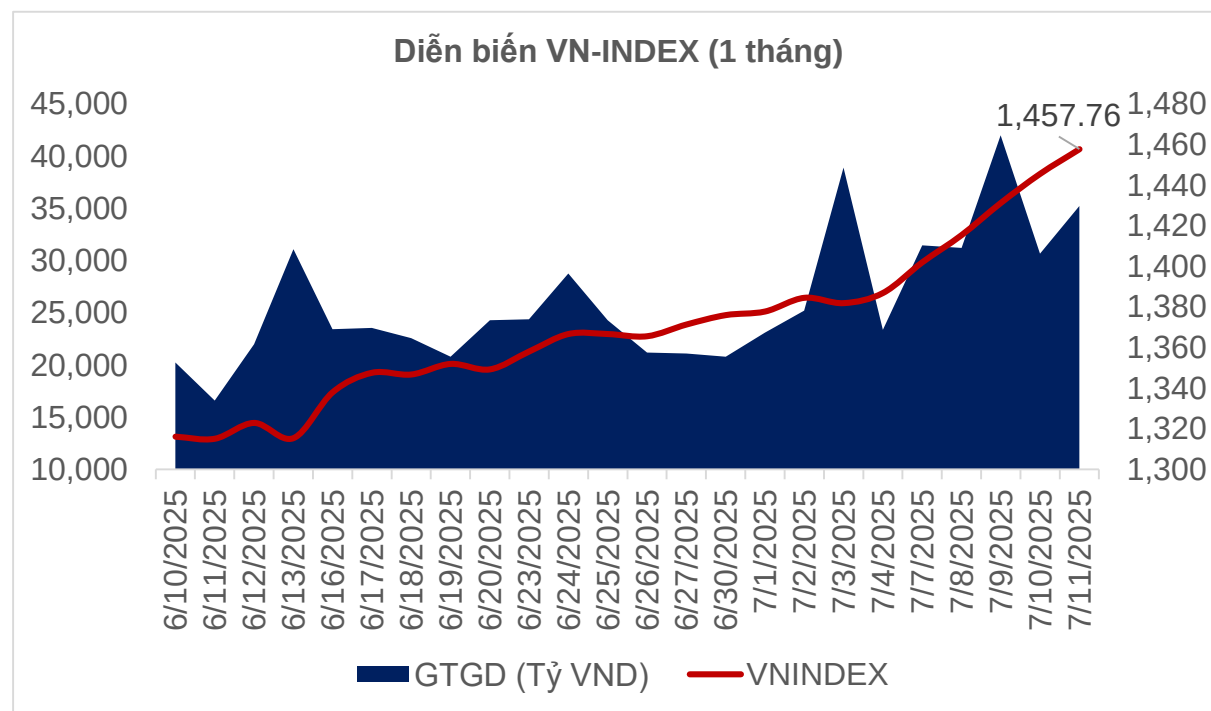


Chỉ số Vn-Index vừa có tuần tăng mạnh nhất thế giới, khối lượng giao dịch lập mức kỷ lục

Đối với thị trường trong nước: Chỉ số Vn-Index chốt tuần ở ngưỡng 1.457,76 điểm, tăng +70,79 điểm, tương đương tăng +5,1% so với tuần trước, đánh dấu tuần tăng mạnh nhất kể từ cuối năm 2022. Nhóm cổ phiếu Midcap và Smallcap tăng lần lượt +2,71% và +1,92%, mức tăng chủ yếu tập trung ở nhóm Bluechips, với VN30 tăng +7,07%.

Một số nhóm cổ phiếu có mức tăng mạnh hơn thị trường như: Vingroup (+16,37%), Xây dựng và VLXD (+9,34%), Chứng khoán (+9,11%), ... ở chiều ngược lại, nhóm cổ phiếu đi ngược thị trường: Thủy sản (-0,93%), Bảo hiểm (-0,81%), ...

Thanh khoản toàn thị trường tuần vừa qua đạt 34.124 tỷ đồng, tăng +30% so với tuần trước đó, trong đó thanh khoản khớp lệnh cũng vọt +36% lên 31.761 tỷ đồng. Theo thống kê, thanh khoản nửa đầu tháng 7 tăng +61% vsck và tăng +33% so với tháng 6, đạt 31.242 tỷ đồng. Lũy kế từ đầu năm, thanh khoản toàn thị trường đạt 22.536 tỷ đồng, tăng +7% so với mức bình quân năm 2024 nhưng giảm 5% so với cùng kỳ.

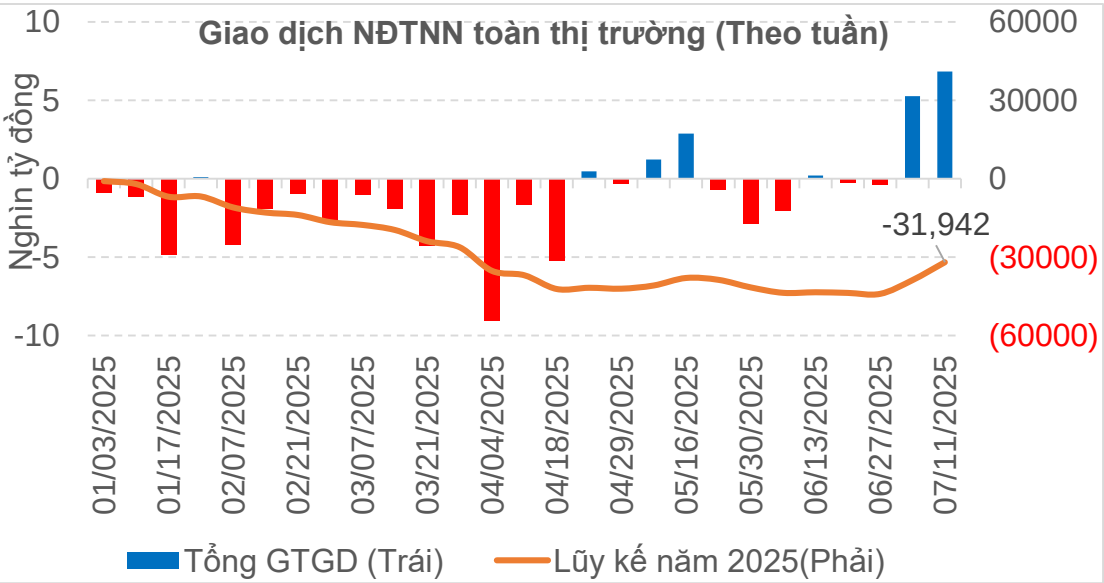
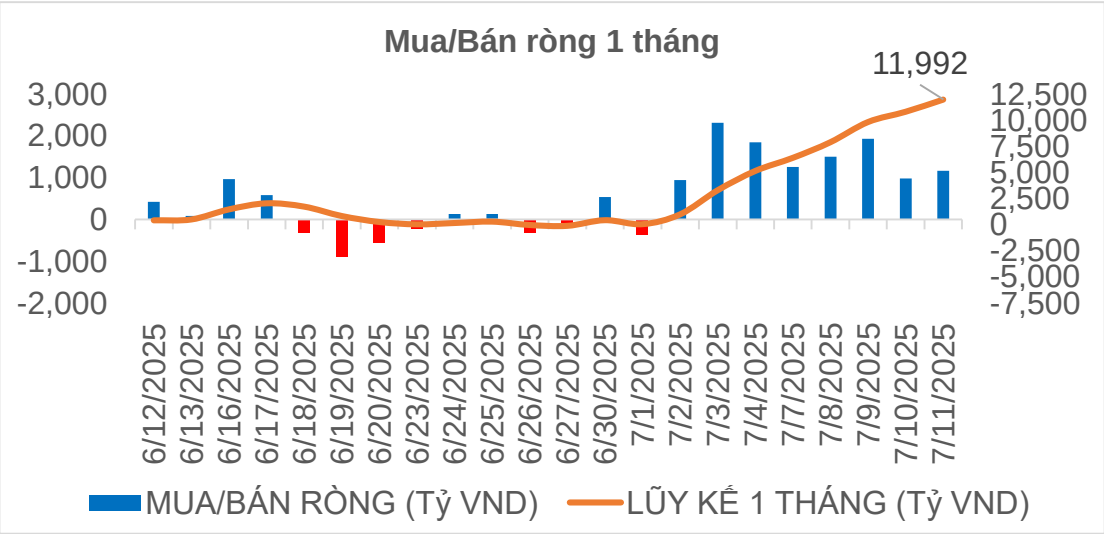


Nguồn: FinX, MBS Research

THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN TRONG NƯỚC



Khối ngoại mua ròng +6.839 tỷ đồng, kể từ phiên quay lại mua ròng (2/7), khối ngoại đã mua ròng tổng cộng gần 12.000 tỷ đồng.



Dòng vốn đầu tư quốc tế ở khu vực Châu Á (Triệu USD)

Country	Date	Daily	WTD	MTD	QTD	YTD	12M
Asia (11)							
China	31-Mar-25			4,272	8,606	8,606	19,065
India	9-Jul-25	78	434	252	252	-7,903	-10,618
Indonesia	10-Jul-25	-24	-144	-293	-293	-3,530	-2,130
Japan	4-Jul-25		4,235	4,235	4,235	11,240	-29,929
Malaysia	10-Jul-25	-10	-98	-41	-41	-2,769	-3,723
Philippines	11-Jul-25	1	-14	33	33	-562	-451
S. Korea	11-Jul-25	275	712	868	868	-8,500	-25,667
Sri Lanka	9-Jul-25	-0.3	-1.9	-14	-14	-53	-64
Taiwan	11-Jul-25	615	1,074	3,988	3,988	-1,942	-23,828
Thailand	9-Jul-25	0	23	-96	-96	-2,433	-3,241
Vietnam	10-Jul-25	41	212	381	381	-1,162	-3,238

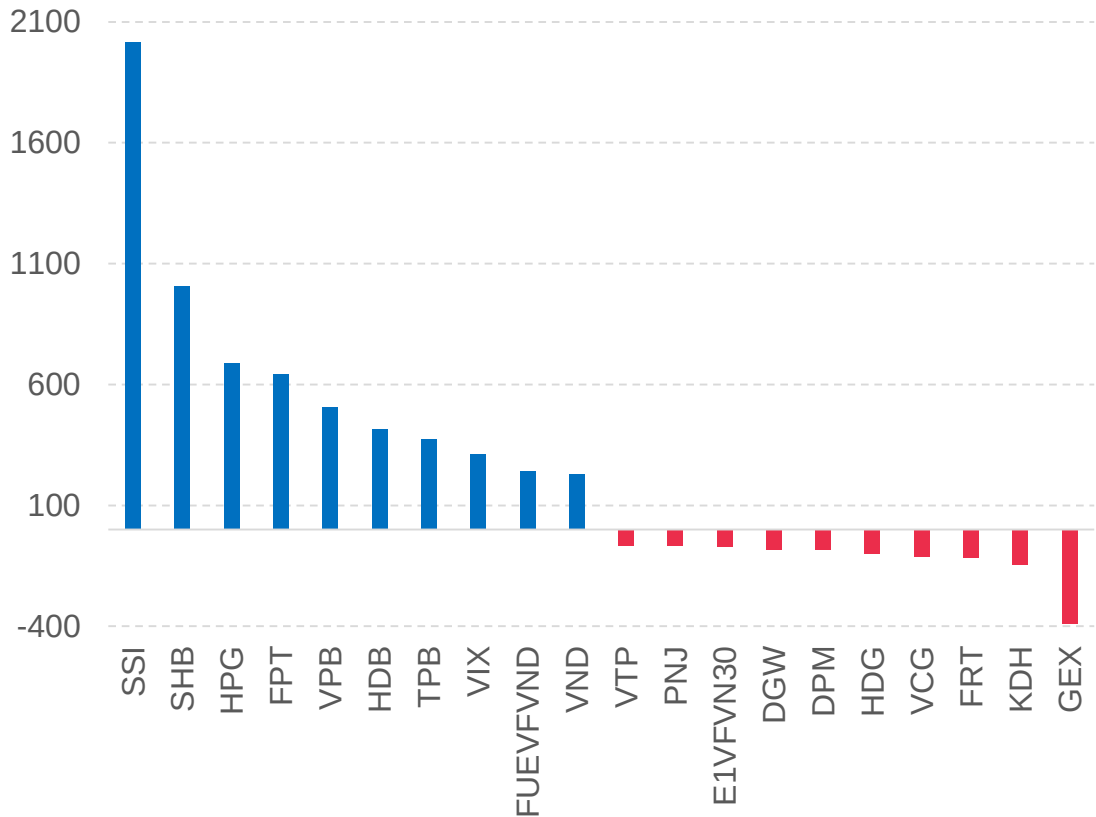
Nguồn: Bloomberg, MBS Research

THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN TRONG NƯỚC



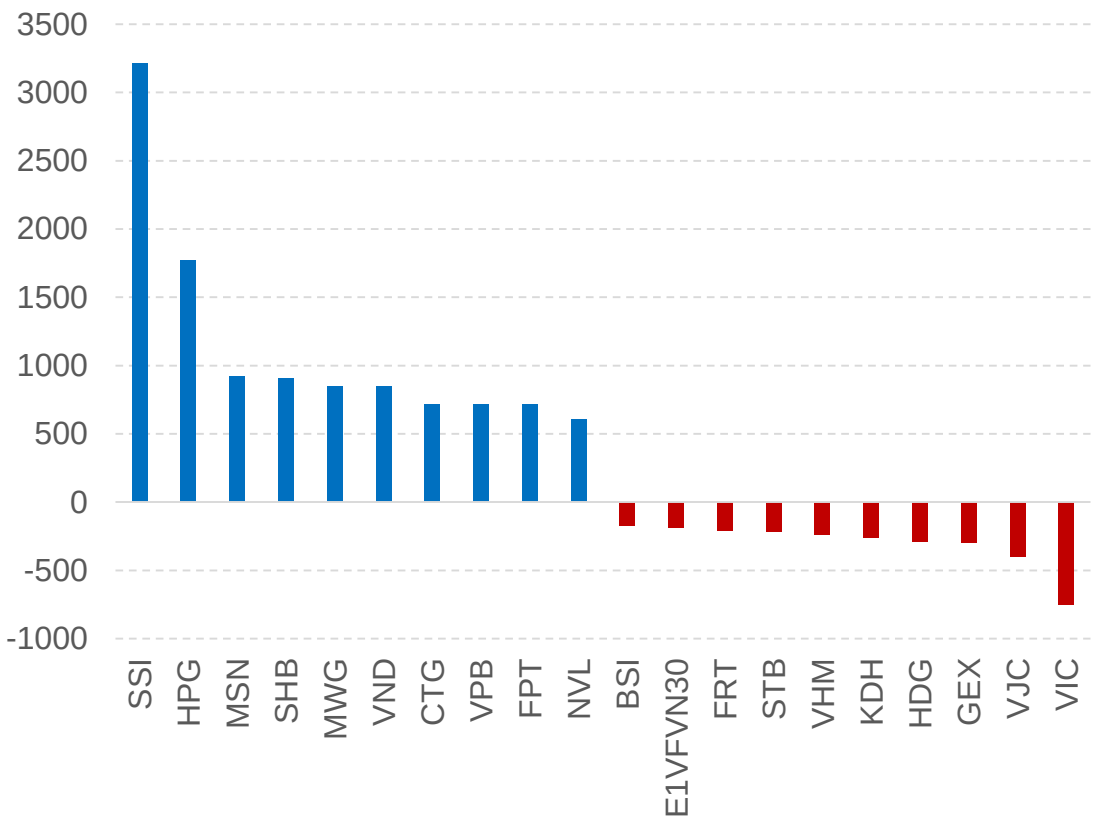
Top cổ phiếu được khối ngoại Mua/Bán ròng trên sàn HOSE (Tỷ VND)

Top cổ phiếu được khối ngoại Mua/Bán ròng trên sàn HOSE tuần vừa qua (Tỷ VND)



Nguồn: FinX, MBS Research

Top cổ phiếu được khối ngoại Mua/Bán ròng trên sàn HOSE trong vòng 1 tháng vừa qua(Tỷ VND)



Nguồn: FinX, MBS Research

THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN TRONG NƯỚC



Nhóm cổ phiếu được khối ngoại mua/bán ròng nhiều nhất kể từ khi giải ngân trở lại (2/7)

Mã	Giá (Nghìn đồng)	Tổng GTGD Ròng (Tỷ đồng)	Room NN còn lại (CP)	NN hiện đang sở hữu (CP)	1W (%)	1M (%)	YTD (%)
SSI	29.7	2,652	1,178,467,257	795,396,661	14.48	26.17	13.82
FPT	126.6	1,103	113,828,992	612,022,767	3.35	8.3	-16.27
SHB	14.2	1,050	1,016,570,543	203,153,557	9.23	6.77	59.52
HPG	26.0	787	1,660,377,315	1,473,785,283	11.83	19.63	17.16
VPB	20.2	584	402,066,801	1,978,110,279	7.47	11.94	7.8
VIX	15.9	578	1,323,694,645	207,735,213	8.93	25.37	69.28
HDB	24.5	505	21,896,123	592,378,771	8.43	14.25	-4.12
HCM	25.0	454	66,587,147	286,610,503	6.17	22.49	9.79
FUEVFNVD	34.8	414	17,874,940	333,925,060	2.72	9.95	3.82
GMD	60.2	413	31,310,594	174,583,637	2.82	11.08	-4.6
MWG	67.9	409	5,141,403	719,908,253	2.41	9.69	11.31
VND	17.9	404	1,272,844,539	249,455,369	4.07	14.69	46.54
VCI	41.1	373	503,802,920	214,296,560	11.85	15.8	24.54
TPB	14.9	363	158,447,555	634,139,303	8	12.08	-4.32
ACB	22.7	335	0	1,540,996,979	3.89	8.35	5.29
MSN	76.5	281	1,126,822,308	386,105,779	2.55	18.06	9.29
STB	47.7	259	186,344,212	379,220,502	1.28	11.2	29.13
VCB	62.7	255	655,174,689	1,851,527,839	7.36	12.57	2.86
SHS	14.6	237	362,105,303	76,181,184	8.15	11.45	34.8
CTG	44.6	227	145,570,151	1,465,427,373	4.45	17.37	17.99
KBC	27.5	224	232,431,568	143,694,763	2.61	11.34	1.1
IDC	46.2	215	97,082,513	64,617,452	-0.43	14.07	-14.11
TCH	23.9	193	260,309,627	80,480,452	14.11	21.07	57.43
VRE	28.6	180	717,466,678	423,654,342	13.72	9.58	66.76
VIC	108.0	161	1,598,889,312	263,513,150	17.52	19.73	166.34
DIG	18.1	144	290,859,165	25,892,118	-1.1	2.56	1.16
NVL	15.1	125	777,889,553	177,661,670	-0.66	8.63	47.32
MSB	12.9	108	52,918,314	727,081,686	6.17	10.73	10.73
CEO	18.7	103	232,907,401	31,891,750	3.89	3.89	41.67
DGC	103.7	101	128,810,263	57,281,587	1.67	11.87	-11.06
HDG	25.2	-105	108,300,623	59,865,141	-0.59	3.28	-2.7
PVS	33.1	-125	175,782,783	58,420,699	2.8	1.85	-2.36
VCG	22.8	-134	244,717,696	48,593,098	-0.22	14	40.65
KDH	30.3	-147	153,092,191	352,479,091	2.02	3.41	-16.07
GEX	40.0	-267	375,332,792	75,866,682	0	17.65	124.04

Các quỹ ETF có hiệu suất khá tích cực và dòng vốn có dấu hiệu trở lại ở ETF Diamond, VanEck

	Fund Assets (M USD)	NAV Currency	NAV	MTD Return	YTD Return	1 Yr Return	1W Flow (M USD)	1M Flow (M USD)	3M Flow (M USD)	YTD Flow (M USD)	1Y Flow (M USD)
VanEck Vietnam ETF	443.92	USD	14.58	8.29%	29.70%	19.22%	24.38	14.74	-11.29	-43.24	-95.70
SSIAM VNFIN LEAD ETF	16.16	VND	25,921.24	5.34%	17.01%	23.26%	0.00	-0.56	-2.48	-5.02	-14.80
Xtrackers FTSE Vietnam Swap UCITS ETF	286.84	EUR	26.13	6.78%	11.30%	7.65%	0.00	-0.87	-15.82	-24.59	-48.46
DCVFMVN30 ETF Fund	232.47	VND	26,877.49	3.48%	13.97%	16.30%	-2.42	-8.10	-11.57	-57.47	-90.43
Fubon FTSE Vietnam ETF	580.44	TWD	13.22	4.09%	9.45%	6.43%	-3.95	-15.58	-45.87	-125.06	-231.26
DCVFMVN Diamond ETF	457.83	VND	34,465.63	5.70%	4.03%	4.09%	8.54	-1.25	-2.34	-31.77	-17.29
MAFN VN30 ETF	34.64	VND	18,629.35	3.58%	13.88%	17.19%	0.00	-0.21	0.23	3.26	15.10
KIM Growth VN30 ETF	81.71	VND	10,543.31	2.70%	14.49%	17.24%	0.00	-1.66	-2.14	1.17	17.70
	2,134.01						26.55	-13.50	-91.28	-282.71	-465.13

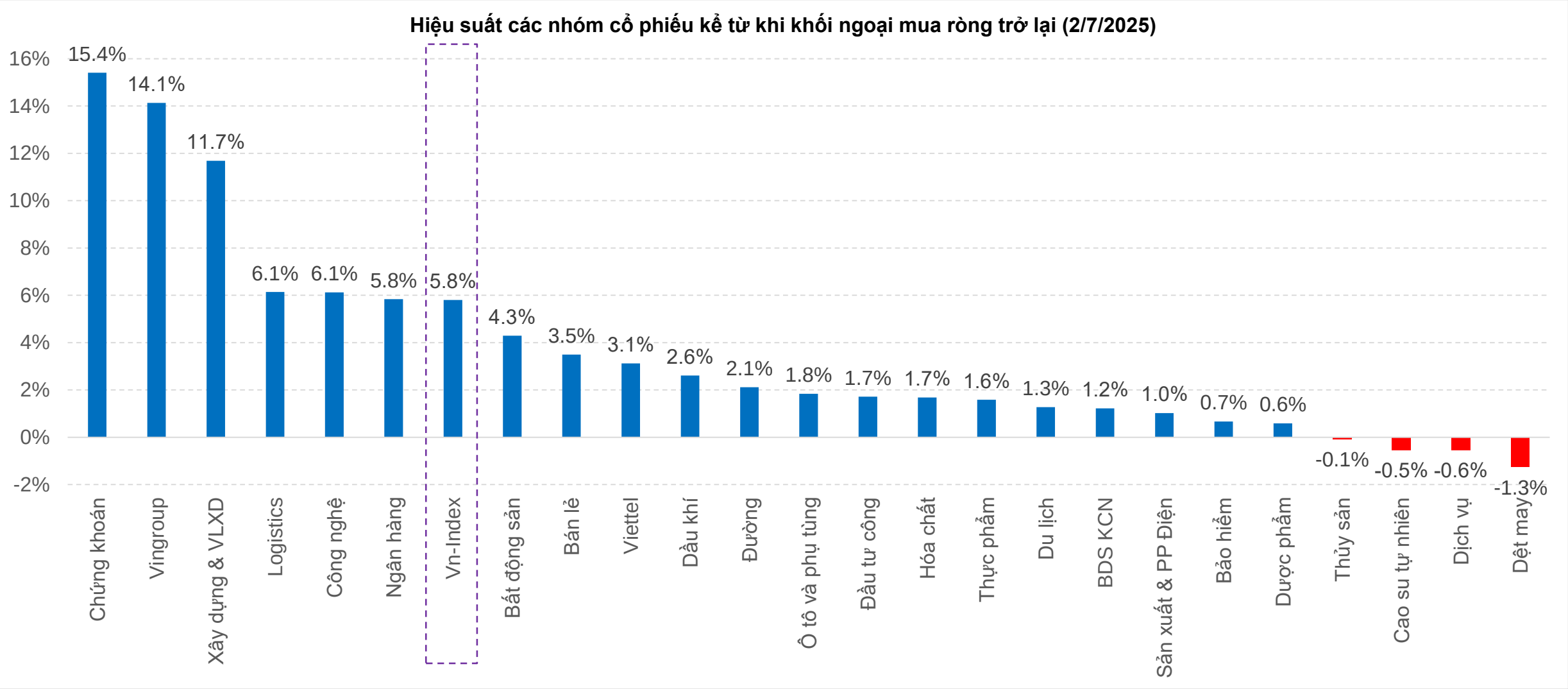
Dòng tiền ròng theo nhóm cổ phiếu (Theo tuần)

	07/11/2025	07/04/2025	06/27/2025	06/20/2025	06/13/2025
Dầu khí	32.7%	-48.4%	-24.7%	50.8%	6.2%
Ngân hàng	54.8%	16.8%	-18.8%	19.8%	8.8%
Chứng khoán	42.3%	59.9%	38.6%	-21.0%	-39.2%
Bất động sản	37.8%	17.9%	-9.9%	-13.2%	-22.9%
Dệt may	-36.5%	51.8%	64.9%	28.8%	-28.1%
Bán lẻ	-8.4%	7.4%	3.8%	-19.6%	24.8%
Vingroup	67.4%	-27.7%	-8.8%	-6.2%	-8.9%
Xây dựng & VLXD	117.3%	8.7%	-4.6%	-18.1%	7.1%
Thực phẩm	45.5%	-21.2%	39.6%	28.2%	-18.8%
Thủy sản	-34.2%	53.3%	87.0%	61.7%	-11.8%
Logistics	12.0%	59.5%	-16.2%	5.5%	6.3%
Dược phẩm	2.8%	-40.7%	-47.9%	143.6%	-15.2%
Sản xuất & PP Điện	24.2%	31.0%	14.6%	-23.6%	-32.0%
Đầu tư công	12.2%	11.0%	12.4%	1.9%	-21.5%
Hóa chất	15.6%	-1.4%	-23.4%	37.4%	13.4%
Cao su tự nhiên	-44.6%	23.0%	57.1%	20.7%	-21.6%
Bảo hiểm	-1.7%	18.2%	-9.8%	36.8%	-34.5%
Ô tô và phụ tùng	11.4%	47.6%	-27.3%	-15.8%	-3.5%
Dịch vụ	53.5%	3.2%	-4.9%	-24.1%	4.4%
BDS KCN	-19.7%	15.1%	63.7%	5.5%	-20.3%
Viettel	16.2%	24.7%	-17.7%	-36.6%	165.9%
Du lịch	21.1%	17.3%	-15.4%	47.7%	-25.0%
Công nghệ	22.1%	51.8%	-14.2%	28.6%	28.3%
Đường	7.3%	-3.0%	-16.9%	39.3%	-5.4%

Cơ cấu thanh khoản theo nhóm cổ phiếu (Theo tuần)

	07/11/2025	07/04/2025	06/27/2025	06/20/2025	06/13/2025
Dầu khí	2.1%	2.2%	5.0%	6.4%	4.3%
Ngân hàng	24.0%	21.2%	21.1%	25.3%	21.6%
Chứng khoán	19.9%	19.1%	13.9%	9.7%	12.6%
Bất động sản	12.0%	11.9%	11.7%	12.7%	14.9%
Dệt may	0.7%	1.5%	1.2%	0.7%	0.5%
Bán lẻ	3.0%	4.5%	4.9%	4.5%	5.8%
Vingroup	3.9%	3.2%	5.1%	5.5%	6.0%
Xây dựng & VLXD	8.7%	5.5%	5.9%	6.0%	7.4%
Thực phẩm	4.6%	4.4%	6.4%	4.5%	3.6%
Thủy sản	0.8%	1.6%	1.2%	0.6%	0.4%
Logistics	2.7%	3.3%	2.4%	2.8%	2.7%
Dược phẩm	0.1%	0.2%	0.3%	0.6%	0.2%
Sản xuất & PP Điện	1.5%	1.6%	1.4%	1.2%	1.6%
Đầu tư công	2.4%	2.9%	3.0%	2.6%	2.6%
Hóa chất	3.4%	4.1%	4.8%	6.1%	4.5%
Cao su tự nhiên	0.2%	0.6%	0.6%	0.3%	0.3%
Bảo hiểm	0.1%	0.2%	0.2%	0.2%	0.2%
Ô tô và phụ tùng	0.6%	0.7%	0.6%	0.8%	0.9%
Dịch vụ	1.1%	1.0%	1.1%	1.2%	1.6%
BDS KCN	2.2%	3.7%	3.7%	2.2%	2.1%
Viettel	1.0%	1.2%	1.1%	1.3%	2.1%
Du lịch	0.0%	0.0%	0.0%	0.0%	0.0%
Công nghệ	4.7%	5.3%	4.0%	4.6%	3.6%
Đường	0.2%	0.2%	0.3%	0.3%	0.2%

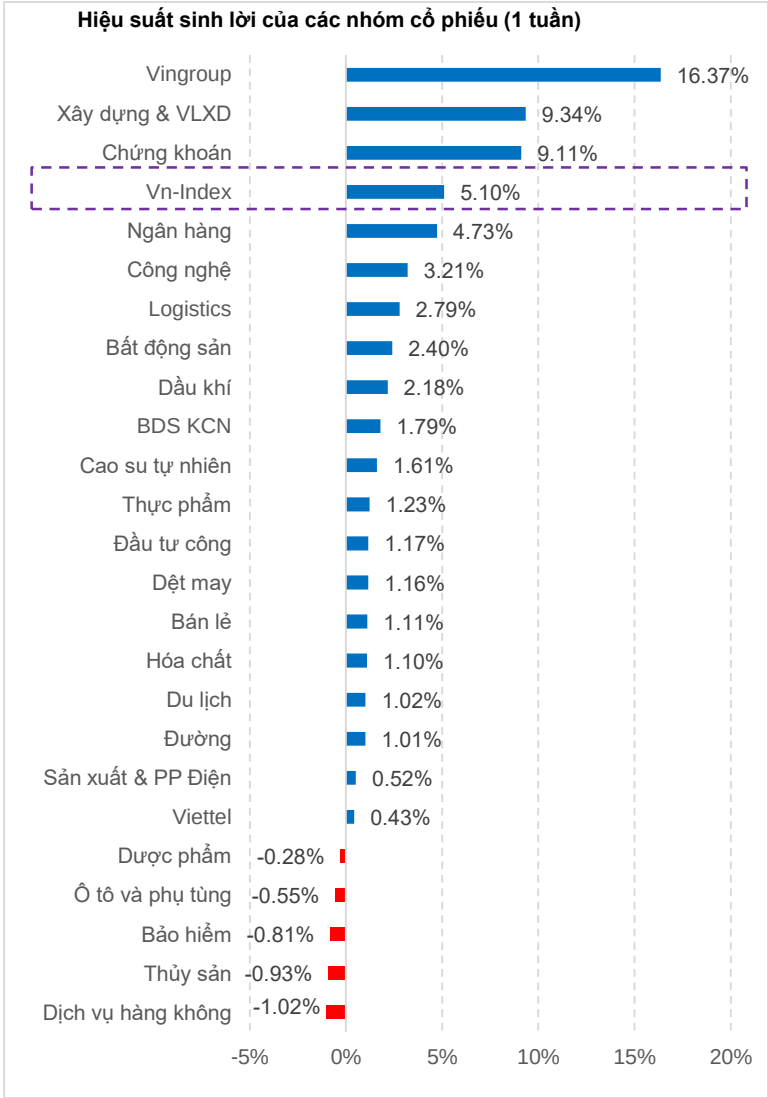
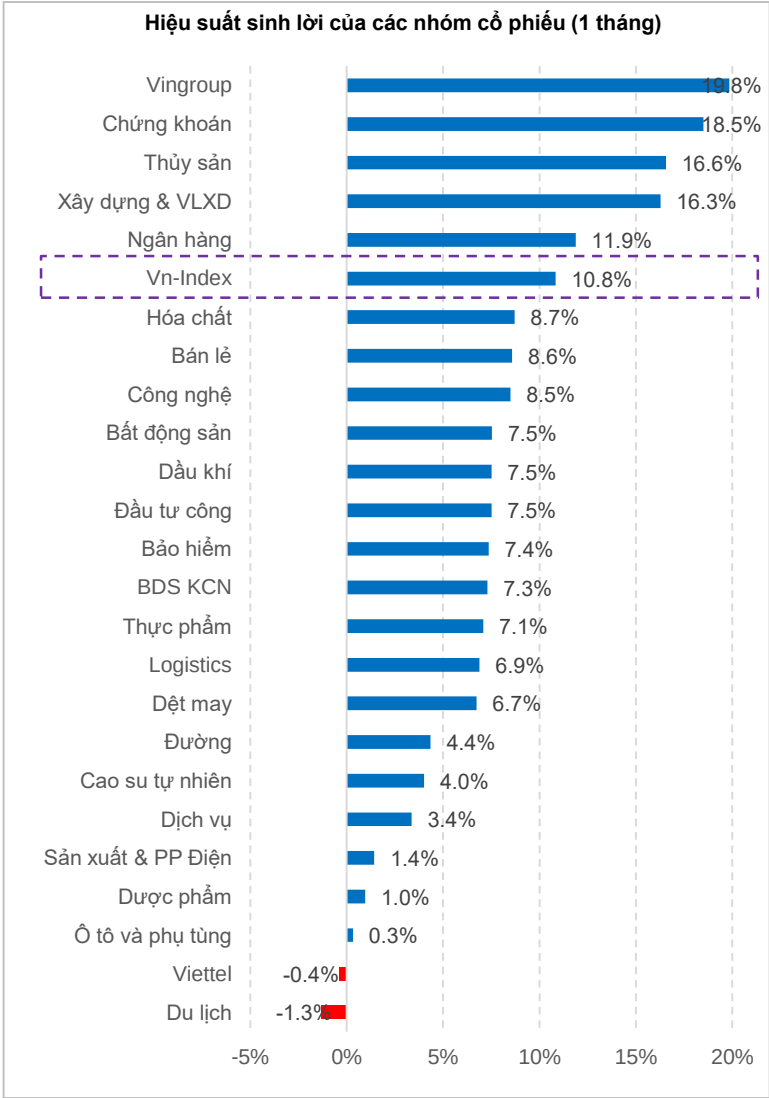
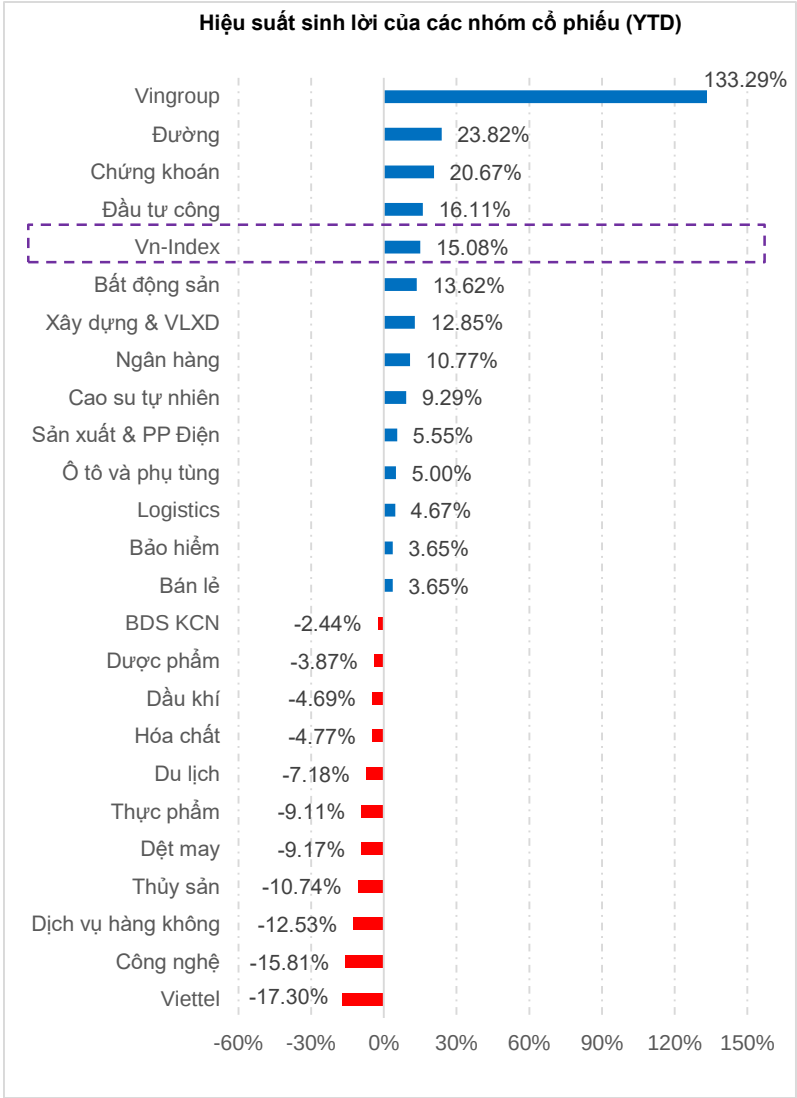
Nhóm cổ phiếu chứng khoán, Vingroup, Xây dựng và VLXD được hưởng lợi từ dòng vốn ngoại



THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN TRONG NƯỚC



Hiệu suất các nhóm cổ phiếu (1 tuần, 1 tháng và từ đầu năm)



THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN TRONG NƯỚC



Hiệu suất của Top 30 cổ phiếu có thanh khoản bình quân lớn nhất thị trường

STT	MCK	Giá đóng cửa (11/07)	1 Tuần (%)	1 Tháng (%)	Kể từ đầu năm (%)	Thanh khoản bình quân (Tỷ VND)
	VNINDEX	1457.76	5.1	10.8	15.1	
1	SSI	29.65	14.5	26.2	13.8	1,614
2	SHB	14.20	9.2	6.8	59.5	1,602
3	HPG	26.00	11.8	19.6	17.2	1,536
4	FPT	126.60	3.4	8.3	-16.3	1,059
5	VPB	20.15	7.5	11.9	7.8	982
6	VIX	15.85	8.9	25.4	69.3	869
7	VCB	62.70	7.4	12.6	2.9	679
8	VCI	41.05	11.9	15.8	24.5	653
9	TCB	34.95	0.0	16.1	41.8	631
10	MSN	76.50	2.6	18.1	9.3	621
11	EIB	24.50	4.7	7.9	26.9	554
12	HDB	24.45	8.4	14.3	-4.1	516
13	GEX	40.00	0.0	17.7	124.0	513
14	MBB	26.70	2.7	10.1	22.4	508
15	VND	17.90	4.1	14.7	46.5	504

STT	MCK	Giá đóng cửa (11/07)	1 Tuần (%)	1 Tháng (%)	Kể từ đầu năm (%)	Thanh khoản bình quân (Tỷ VND)
16	SHS	14.60	8.2	11.5	34.8	493
17	TPB	14.85	8.0	12.1	-4.3	479
18	MWG	67.90	2.4	9.7	11.3	478
19	HCM	24.95	6.2	22.5	9.8	425
20	DIG	18.05	-1.1	2.6	1.2	421
21	CEO	18.70	3.9	3.9	41.7	421
22	STB	47.65	1.3	11.2	29.1	412
23	VHM	87.90	15.7	21.9	119.8	402
24	VNM	59.80	3.5	8.3	-2.3	381
25	VIC	108.00	17.5	19.7	166.3	374
26	DBC	33.70	-2.6	9.8	21.4	367
27	BID	38.30	4.8	9.3	2.0	350
28	NVL	15.10	-0.7	8.6	47.3	344
29	DXG	17.05	-0.3	9.3	33.6	342
30	ACB	22.70	3.9	8.4	5.3	340

THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN TRONG NƯỚC

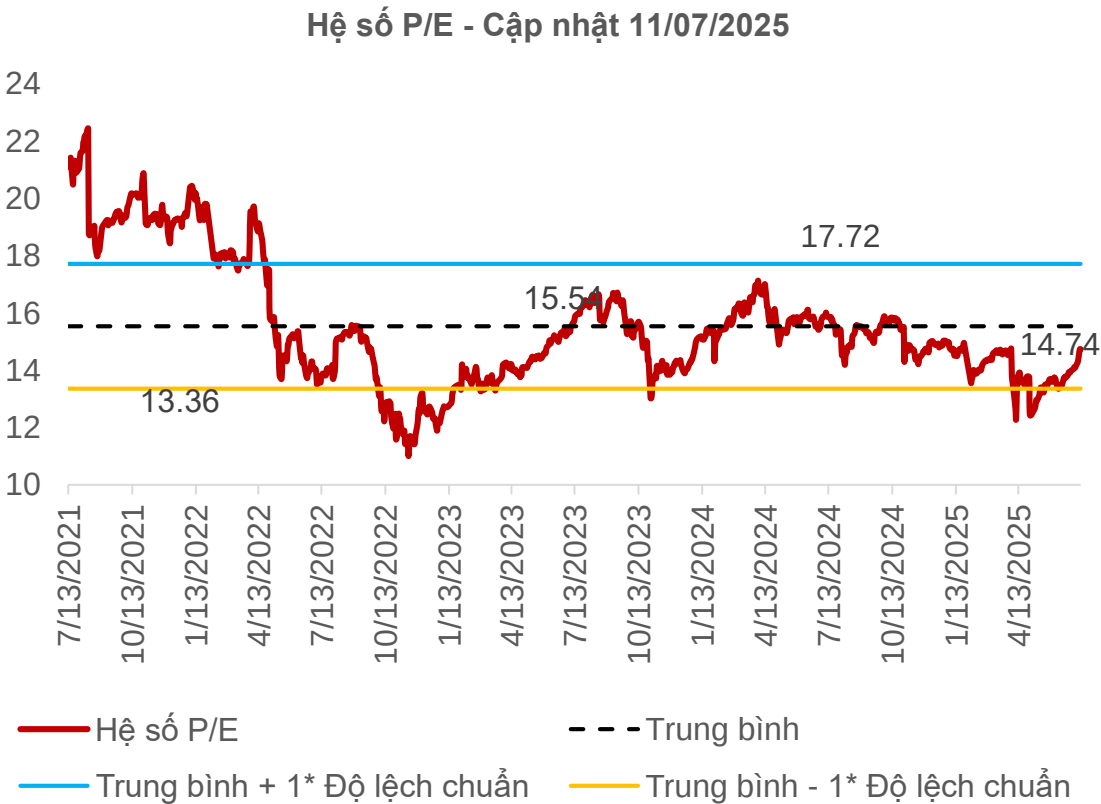


Chỉ số Vn-Index chớp nhoáng đi vào thị trường giá xuống (Bear Market, giảm 20% so với đỉnh) ở cuối tháng 3 cho tới đáy tháng 4, nhưng đã nhanh chóng hồi phục gần +36%, tức tăng +384 điểm và tiệm cận ngưỡng 1.500 điểm, chỉ còn cách đỉnh lịch sử 80 điểm.



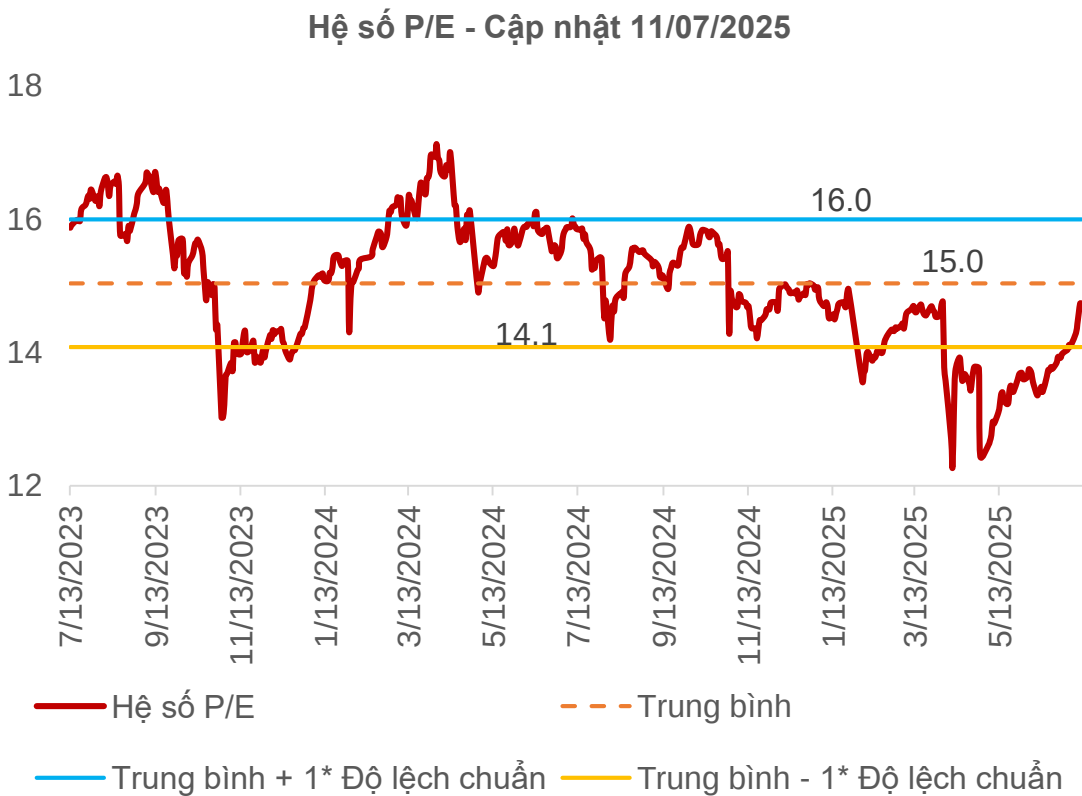
Định giá thị trường: Hệ số P/E trong vòng 3 - 5 năm qua (ttm, lần)

Hệ số P/E trong vòng 5 năm qua (ttm, lần)



Nguồn: MBS, Bloomberg

Hệ số P/E trong vòng 3 năm qua (ttm, lần)



Nguồn: MBS, Bloomberg

THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN TRONG NƯỚC



Nhận định thị trường: Xác suất thị trường tăng điểm trong tháng 7 là khá cao, 3 năm gần nhất thị trường đều tăng điểm

	Jan	Feb	Mar	Apr	May	Jun	Jul	Aug	Sep	Oct	Nov	Dec
10 Yr Avg	2.47	1.98	-1.51	.18	1.88	.65	1.29	1.79	-.54	-1.13	2.28	1.19
2025	-.14	3.19	.11	-6.16	8.67	3.26	5.94					
2024	3.04	7.59	2.50	-5.81	4.32	-1.30	.50	2.59	.32	-1.82	-1.11	1.31
2023	10.34	-7.78	3.90	-1.46	2.48	4.19	9.17	.09	-5.71	-10.91	6.41	3.27
2022	-1.29	.76	.14	-8.40	-5.42	-7.36	.73	6.15	-11.59	-9.20	1.99	-3.94
2021	-4.28	10.59	1.97	4.02	7.15	6.06	-6.99	1.64	.80	7.62	2.37	1.34
2020	-2.54	-5.81	-24.90	16.09	12.40	-4.55	-3.24	10.43	2.67	2.24	8.39	10.05
2019	2.03	6.02	1.58	-.11	-2.02	-1.04	4.39	-.77	1.27	.23	-2.81	-1.01
2018	12.81	1.01	4.72	-10.58	-7.52	-1.08	-.46	3.47	2.79	-10.06	1.29	-3.67
2017	4.87	1.94	1.62	-.63	2.80	5.24	.91	-.10	2.77	4.08	13.45	3.61
2016	-5.83	2.59	.33	6.62	3.35	2.23	3.16	3.43	1.65	-1.45	-1.59	-.03
2015	5.58	2.86	-6.99	2.04	1.27	4.12	4.72	-9.07	-.37	7.95	-5.63	1.02

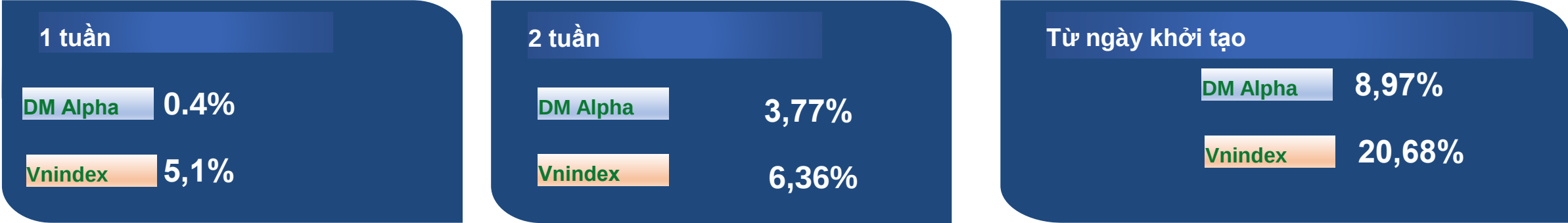
Nguồn: Bloomberg

 Ưu điểm vượt trội:

- (1) Tự động gợi ý các mã cổ phiếu chất lượng.
- (2) Tự động cập nhật điểm mua cổ phiếu theo thời gian thực (real-time) khi mã cổ phiếu biến động vào vùng giá khuyến nghị.
- (4) Hỗ trợ luồng đặt lệnh siêu tốc dành cho khách hàng.
- (5) Hoàn toàn miễn phí sử dụng.

 Luận điểm:

- (1) Cổ phiếu nổi bật có câu chuyện ảnh hưởng tích cực đến tình hình kinh doanh của ngành, có kết quả kinh doanh được dự báo tăng trưởng trong tương lai, và được Khối Nghiên cứu đánh giá lạc quan.
- (2) Danh sách các cổ phiếu khuyến nghị của khối nghiên cứu có Upside ≥ 1 .
- (3) Cổ phiếu thuộc 200 công ty có vốn hóa lớn nhất trên cả 3 sàn HOSE, HNX và UPCOM.
- (4) Khối lượng giao dịch Trung bình 30 phiên của cổ phiếu lớn hơn 500,000 cổ phiếu/ngày.



Danh mục nắm giữ hiện tại

Danh mục Alpha bắt đầu khởi tạo ngày 08/08/2024
 Hiệu suất Vnindex tính từ 8/8/2024

STT	Mã	Giá khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá Mục tiêu	Giá cắt lỗ	% Lãi dự kiến	% Lỗ dự kiến	Số phiên nắm giữ (Cho đến hiện tại)	Ngày hiện tại	Giá hiện tại	Lãi lỗ tạm tính
1	MWG	60,000	5/8/2025	78,000	56,500	30.00%	-5.83%	45	7/11/2025	67,900	13.17%
2	FPT	114,000	5/8/2025	130,000	102,000	14.04%	-10.53%	45	7/11/2025	126,600	11.05%
3	FRT	172,000	5/5/2025	202,000	163,000	17.44%	-5.23%	47	7/11/2025	183,100	6.45%
4	SIP	71,500	7/7/2025	90,000	68,000	25.87%	-4.90%	2	7/11/2025	70,700	-1.12%

MWG	Năm 2025, chúng tôi kỳ vọng lợi nhuận ròng MWG đạt 5,180 tỷ đồng (+ 39% svck) với động lực chính từ sự phục hồi nhu cầu tiêu thụ của chuỗi TGDD&DMX và sự mở rộng khu vực mới của BHX, cụ thể: (1) Năm 2024, hầu hết các mảng kinh doanh chủ lực của ICT-CE đều ghi nhận tăng trưởng 2 chữ số sv mức nền thấp cùng kỳ. 2 tháng đầu năm 2025, doanh thu ICT-CE ghi nhận mức tăng trưởng 2 chữ số và có sự hỗ trợ tốt của cầu tiêu thụ trong nước. Tiếp tục xu hướng phục hồi, mảng bán lẻ điện tử tiêu dùng (TGDD&DMX) kỳ vọng lợi nhuận tăng trưởng 28% sv mức nền thấp năm 2023 với số lượng cửa hàng ước tính đi ngang svck, doanh thu/cửa hàng tăng 16% svck và ghi nhận khoảng 2.7 tỷ đồng/tháng - tương đương giai đoạn năm 2022.
FPT	Doanh thu 2T25 tăng 16% svck, thấp hơn kỳ vọng chủ yếu do doanh thu CNTT khu vực châu Mỹ tăng trưởng chậm. Tuy nhiên, LNTT 2T25 tăng 21% svck hỗ trợ bởi biên LN cải thiện mạnh mẽ, phù hợp với dự phóng. Ở mức giá chiết khấu hấp dẫn, FPT là lựa chọn hàng đầu nhờ LN bền vững (20.6% CAGR 2025-27) trong bối cảnh triển vọng kinh tế có nhiều biến động. Duy trì khuyến nghị Khả quan với giá mục tiêu 146,700 đ
FRT	Long Châu tiếp tục là điểm sáng của FRT với vị thế dẫn đầu thị trường bán lẻ dược phẩm, chuỗi nhà thuốc tiếp tục mở rộng về quy mô và tối ưu hiệu quả chi phí giai đoạn 2025-26. Chúng tôi ước tính LN ròng năm 2025-26 tăng 111%/36% svck và đạt 670/939 tỷ đồng với động lực chính từ Long Châu. Chúng tôi đưa ra khuyến nghị KHẢ QUAN với giá cổ phiếu 202,400 đồng/cp.
SIP	SIP sở hữu quỹ đất KCN lớn: Công ty đang quản lý 5 KCN (Phước Đông, Đông Nam, Lê Minh Xuân 3, Lộc An – Bình Sơn và dự án Long Đức GD2 mới được phê duyệt vào đầu năm nay), tổng diện tích thương phẩm còn lại là hơn 1,100 ha. Ngoài ra, công ty sở hữu các dự án dân cư trong KCN như KDC Đông Nam (56 ha), KDC Lê Minh Xuân 3 (80 ha) và KDC Lộc An – Bình Sơn (40 ha). KQKD Q1/25 của SIP tăng trưởng tốt với doanh thu đạt 1,941 tỷ đồng (+6.3% svck), lợi nhuận gộp đạt 320 tỷ đồng (+17.5% svck). Doanh thu tài chính tăng gấp 3.5 lần cùng kỳ nhờ thoái vốn cổ phần tại NTC. Qua đó, lợi nhuận ròng đạt 351 tỷ đồng (+42.9% svck). Tình hình tài chính lành mạnh với tiền mặt ròng lớn đạt hơn 3,400 tỷ đồng, tỷ lệ nợ vay/VCSH và nợ vay/tổng tài sản lần lượt đạt 0.78 và 0.16. Doanh thu chưa thực hiện tăng 300 tỷ đồng so với đầu năm lên 12,400 tỷ đồng đảm bảo lợi nhuận dài hạn cho công ty. Chúng tôi kỳ vọng kết quả đàm phán thương mại giữa Việt Nam – Mỹ đem lại kết quả tích cực, nhờ đó Việt Nam tiếp tục là điểm đến cho dòng vốn FDI. Giá mục tiêu là 90,000 đồng/CP, upside 22% so với giá đóng cửa ngày 02/07/2025.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN MB (MBS)

Được thành lập từ tháng 5 năm 2000 bởi Ngân hàng TMCP Quân đội (MB) với tên gọi tiền thân là Công ty CP chứng khoán Thăng Long, Công ty CP Chứng khoán MB (MBS) là một trong 6 công ty chứng khoán đầu tiên tại Việt Nam. Sau nhiều năm phát triển, MBS đã trở thành một trong những công ty chứng khoán hàng đầu Việt Nam, liên tục đứng trong Top 10 thị phần tại cả hai Sở Giao dịch (Hồ Chí Minh và Hà Nội).

Địa chỉ:

Tòa nhà MB, 21 Cát Linh, Đống Đa, Hà Nội

Tel: + 8424 7304 5688 - Fax: +8424 3726 2601

Website: www.mbs.com.vn

KHỐI NGHIÊN CỨU CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN MB

Giám đốc Khối Nghiên cứu

Trần Thị Khánh Hiền

Trưởng phòng

Nguyễn Tiến Dũng

Vĩ mô & Chiến lược thị trường

Ngô Quốc Hưng

Nghiêm Phú Cường

Đinh Hà Anh

Võ Đức Anh

Ngân hàng – Dịch vụ Tài chính

Đinh Công Luyện

Bất động sản

Nguyễn Minh Đức

Lê Hải Thành

Dịch vụ - Tiêu dùng

Nguyễn Quỳnh Ly

Công nghiệp – Năng Lượng

Phạm Thị Thanh Huyền

Nguyễn Hà Đức Tùng